

KÝ ỨC CHUYỆN CŨ

Phùng Hữu Châu, K25

- *Viết để nhớ về miệt quê Cà Mau - Bạc Liêu.*
- *Viết để nhớ những ngày băng rừng lội ruộng.*
- *Để nhớ Sư Đoàn 21 BB - Sét Miền Tây.*

Nghe Má tôi kể lại: Tôi được sanh ra tại nhà thương Chú Hỏa (Chợ Lớn), vì nhà tôi ở đường Bà Hạt, Ngã Bảy Quận 10, gần với nhà thương này. Lớn lên lúc 5 tuổi, tôi đi học lớp Năm tại trường tiểu học Nguyễn Tri Phương. Khi lên 6 thì gia đình dời nhà về làng quê thuộc quận Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, bởi lẽ Ba tôi là trưởng nam mà Bà Nội tôi thì đang lúc tuổi già sắp gần đất xa trời. Theo lẽ thông thường thì người ta từ nhà quê tiến lên tỉnh thành, còn tôi lui từ đô thành xuống tới quê.

Ở miền quê tuy có hơi buồn, cuộc sống tuy đơn giản thiếu mọi phương tiện như đèn điện, nước máy, xe cộ nhưng bù lại cái tình người ở cùng một chòm xóm thì rất là mộc mạc, chân tình, thắm thiết, tôi lửa tắt đèn hoàn cảnh nào chòm xóm cũng ân tình sát cánh bên nhau. Đúng là bà con xa không bằng lối xóm gần. Thêm vào cái gì cũng có. Con cá, cọng rau, bụi xả, trái ớt có sẵn sau vườn. Cần món cá kho, hay nồi canh chua cho buổi cơm chiều chỉ cần xách cây cần câu ra mé đìa sau nhà cũng có vài ba con cá rô, cá sặt, hay cá lóc... Rồi xách cái

rổ tre đi lòng vòng xung quanh nhà là đủ thứ rau. Mồng toi, rau đắng, rau dền, rau thom, rau diệu thì cũng đủ cho nồi canh buổi chiều. Gạo trắng thì chứa bằng lu bằng khạp, nước mắm thì dự trữ bằng tĩn, bằng can... Hàng tháng đem cỡ 10 hay 20 gia lúa (đơn vị đo lường của nông dân miền Tây. Một gia lúa là 2 táo, mỗi táo là 20 lít) ra nhà máy xay lúa để chà ra gạo trắng để dành ăn cả tháng, cám thì để nuôi heo, còn tấm thì để cho gà con ăn...

Phương tiện đi lại dưới quê hầu hết không có đường xe, nên thường di chuyển bằng xuồng trên các kinh rạch. Trường học thì hiếm hoi. Muốn học tới lớp Nhì, lớp Nhất học trò của các ấp, xã phải khăn gói ra tới quận mới có trường, hết năm lớp Nhất muốn thi bằng Tiểu Học phải đi lên tỉnh. Việc học rất khó khăn và tốn kém, nên thời đó ít người đi học. Học trò tiểu học, có người tuổi lớn chồng ngồng, học xong là cưới vợ luôn.

Sách vở hay báo chí thì khỏi nói, muốn mua tờ báo còn gọi là nhật trình cũng đâu phải là chuyện dễ. Tờ nhật trình thời đó giá bán là 2 đồng một tờ, phải đợi đến xế chiều mới có xe đò mang báo từ Sài Gòn về đến quận. Báo bán chạy nhất có lẽ là tờ “Saigon Mới” của Bà Bút Trà chuyên môn đăng những chuyện dài tình cảm lê thê của Bà Tùng Long, của Dương Hà, tiểu thuyết trinh thám của Phi Long; đến những khúc éo le gay cấn, mấy bà chị họ thường bắt tôi ra chợ ngồi chồm hổm mà chờ báo về... Cả xóm cũng không có một cái Radio để nghe tin tức, mỗi lần muốn nghe trực tiếp truyền thanh những trận đá banh bọn nhóc chúng tôi phải kéo nhau ra chợ ngồi ngoài mái hiên nhà nào có radio để nghe cộp thẻ tháo gia Huyền Vũ trực tiếp truyền thanh những trận cầu quốc tế. Ông là thần tượng của bọn tôi thời đó.

Ở miệt quê, lâu lâu có đoàn chiếu bóng của Ty Thông Tin đến chiếu phim miễn phí ngoài trời, thường thì ngoài sân banh. Nổi tiếng nhất là phim: “Chúng Tôi Muốn Sống” do tài tử Lê Quỳnh thủ vai chính, tả lại cuộc vượt tuyến bằng đường biển từ Bắc vào Nam để tìm tự do. Cảnh cuối của phim hình như

tài tử đóng vai chính bị con cá mập tấp dứt hết một chân, mà trong ký ức của tuổi thơ tôi vẫn còn nhớ đến cảnh đó.

Ba tôi là con trưởng nên lãnh phần nuôi dưỡng Mẹ già. Bà Nội tôi tuổi ngoài 70, con mắt lem nhem không đọc được chữ nên chỉ thích nghe con cháu đọc truyện. Bà cũng rất thích bói Kiều... Bọn cháu nội chúng tôi thay phiên đọc nào: “Tiết Nhơn Quý Chinh Đông, Tiết Đình San Chinh Tây, Thuyết Đường, Đông Châu Liệt Quốc, Hạng Võ, Lưu Bang, Hán Sở Tranh Hùng,...”. Nước Sở xưa bây giờ là tỉnh Hồ Bắc với thủ phủ là thành phố Vũ Hán, Nơi đây xuất phát ra vi khuẩn bệnh dịch truyền nhiễm Corona, hiện nay đã gây kinh hoàng và lo sợ cho cả thế giới.

Không biết tại làm sao trong nhà tôi lại có cuốn truyện Kim Vân Kiều đã cũ nát, trên bốn ngàn câu thơ của thi hào Nguyễn Du. Mỗi lần muốn bói Kiều, Bà nội tôi ôm lấy cuốn sách để trước ngực, hai tay chấp lại nhắm mắt miệng lầm bầm van vái rồi bất ngờ lật ra ngay trang nào thì thằng cháu trai sẽ đọc phần đó. Bói Kiều chỉ dành cho cháu trai bởi lẽ những đoạn tả Kiều ở lầu xanh: “Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề” của Tú Bà dạy cho Kiều chắc không tốt gì cho mấy đứa cháu gái.

Đứa nào hên được Bà lật ngay nhằm đoạn tả anh hùng ăn cướp Từ Hải: râu hùm, hàm én mày ngài, vai năm tấc rộng lưng mười thước cao; hay đoạn nói về Kiều lên chức quan bà, thì được bà khen, “thằng nhỏ này có số mạng tốt, lớn lên dám được làm quan” và được thưởng cho “năm cắc”, đủ để chạy ra cái tiệm chạp phô đầu xóm để mua một miếng kẹo gừng về nhai nhồm nhem. Đứa nào gặp lúc xui lật nhằm đoạn nói về Tú Bà, Sở Khanh, hay Thúy Kiều ăn cắp, nhảy sông tự vận thì không có xu nào. Mới học lớp Nhất trường làng mà tôi đã thuộc một số câu Kiều, tuy không hiểu nó nói cái gì.

Ngoài những cuốn truyện Tàu như Tam Quốc Chí, Đông Châu Liệt Quốc, Thủy Hử (thảo khấu Lương Sơn Bạc), truyện thơ Kim Vân Kiều, còn có những cuốn tạp chí Phổ Thông

của ông Nguyễn Vỹ. Lúc nhỏ tôi thích đọc truyện Tàu. Mãi đến năm học Đệ Tam khi Bà Nội tôi đã chết, tôi cũng hết mê chuyện loại này mà quay sang đọc các tạp chí, tuần báo.

Ở nhà buồn, tôi cũng thường ra ruộng tiếp ba má coi công cấy đầu mùa và công gặt cuối mùa khi lúa chín. Đầu mùa ruộng vừa cấy xong là tôi đi giăng câu theo mương rạch, hoặc cắm câu dài dài theo bờ mầu. Muốn bắt cá rô, cá sặc, cá trê... thì dùng mồi chết, nên tôi xúc tép hay bắt ốc đập ra lấy thịt làm mồi. Riêng cá lóc thì chỉ ăn mồi sống, nghĩa là con mồi phải nhúc nhích, vì thế tôi thường bắt con nhái còn sống móc vào lưỡi câu, để con nhái bơi lờ đờ trên mặt nước cho con cá



*Buổi dạ tiệc tại Phan Xá tiến đưa Khóa 25 ra đơn vị.
(Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ, Chỉ Huy Trưởng, đứng giữa)
lóc nhào tới tấp.*

Cá lóc của miền Nam có nhiều đặc điểm và tánh linh bộ nhớ giống như cá Hồi (Salmon) của vùng Alaska. Cá lóc mẹ mang cặp trứng từ dưới địa lên ruộng vào mùa mưa để ra một bầy cá con nhỏ bằng đầu đũa màu đỏ hồng có tên là bầy cá ròng ròng, lúc kiếm ăn luôn trôi trên mặt nước cả đàn nên dễ làm mồi cho các cá khác. Vì vậy cá lóc mẹ lúc nào cũng túc trực bảo vệ đàn cá con, giống như con gà mẹ khi dẫn đàn gà con

đi kiếm ăn gặp phải điều hâu muốn bắt con nó thì gà mái trở nên gan lì hung dữ sẵn sàng liều chết để bảo vệ đàn con của mình. *Đó cũng là hình ảnh các Bà Mẹ Việt Nam, cả đời tận tụy hy sinh chăm sóc gia đình lo lắng nuôi dưỡng các con.* Cá lóc mẹ dẫn dắt đàn con đi kiếm ăn từ mảnh ruộng này sang vùng ruộng khác bao la bát ngát. Vậy mà đến khi mùa nước cạn, lúa bắt đầu chín thì cá vẫn biết đường tìm phương hướng để trở lại mảnh ruộng xưa, cái đĩa cũ của mình. Giống như con cá Hồi được sanh ra ở vùng nước ngọt sông suối, sau đó lớn lên sống ngoài biển cả bao la; vậy mà lúc sắp chết biết tìm đường vượt sóng trở về giòng sông cũ con suối xưa nơi chôn nhau cắt rún để mà đẻ con truyền giống và được chết ở quê hương của mình. “Cá Lóc, cá Hồi ơi! Ta xin bái phục và ngã mũ chào bọn mi.”

Hết năm Đệ Tam, Hè về tôi bắt đầu làm bạn với mấy cuốn tạp chí Phổ Thông của ông Nguyễn Vỹ. Đối với tôi, tạp chí này hoàn toàn mới mẻ về phương diện văn học và lịch sử. Có nhiều bài viết về các vĩ nhân, trong đó có một danh tướng sau này trở thành một vị Tổng Thống tài giỏi của nước Mỹ, Tướng Eisenhower. Ông đã nói một câu: **“Muốn tốt nghiệp đại học không phải trả tiền là tình nguyện vào Trường Võ Bị...”** Câu nói này đã là kim chỉ nam khiến tôi ham học. Để rồi sau năm Đệ Nhị tôi thi đậu Tú Tài 1 và sau năm Đệ Nhất tôi thi đậu Tú Tài 2. Nhờ thế, tôi đã có cơ hội thi vào Khoá 25 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, năm 1968.

Má tôi càng ngày càng già yếu, mấy đứa em càng tân lên đến tuổi đi tỉnh học. Nuôi đám con lên tỉnh đi học trung học cũng đủ cho lưng má tôi thêm công, tóc người thêm bạc. Làm sao tôi dám xin má tôi cho tôi đi Sài Gòn để vào đại học?

Tháng 12 năm 1968.

Vào ngày đầu tiên nhập học Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, đoàn xe GMC chở chúng tôi theo đường vòng Lâm Viên đi ngang qua Hồ Than Thở. Ở một bên hồ, tôi thấy một tấm

bảng thật to với những dòng chữ thật rõ nét:

“Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam - Nơi Quy Tụ Những Chàng Trai Việt Có Lý Tưởng Quốc Gia.”

Thật sự lúc đọc thấy những dòng chữ này, tôi cảm thấy mắc cỡ thẹn trong lòng, có ai biết đây chưa phải là lý do chính khiến tôi ghi danh vào Võ Bị. Nhưng chỉ vài giờ sau đó, khi vừa bước qua khỏi cổng Nam Quan và sau tám tuần Tân Khóa Sinh, tôi đã hoàn toàn thay đổi từ hồn đến xác.

Sau 4 năm thụ huấn: Văn hoá, quân sự, lãnh đạo chỉ huy, “Tình Đàn Anh, Nghĩa Đàn Em”, và cái ngày “quỳ xuống SVSQ, đứng lên trở thành Tân Sĩ Quan”, tôi biết mình đã mang theo một lý tưởng: Danh Dự, Trách Nhiệm, và Tổ Quốc. Tôi phải quyết tâm bảo vệ nó.

Ngày 15 tháng 12 năm 1972, Khóa 25 tốt nghiệp. Những chàng trai trẻ mang theo lòng nhiệt huyết, chí khí hào hùng xuống núi đi khắp 4 Vùng Chiến Thuật để phục vụ cho Tổ Quốc, Dân Tộc, và cương quyết bảo vệ cho miền Nam VN chống lại sự xâm lăng của Cộng Sản miền Bắc. Ra trường, tôi chọn Sư Đoàn 21 Bộ Binh và phục vụ tại Trung Đoàn 32 BB hành quân ở vùng Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Chương Thiện, Rạch Giá, Cần Thơ... Thời ấy quân số của các tiểu đoàn của các trung đoàn thuộc Sư Đoàn 21 BB rất thiếu, ngay cả cấp số sĩ quan trong đơn vị cũng không đầy đủ. Nhiều khi chỉ có hai sĩ quan trong một đại đội; thiếu úy làm đại đội trưởng, chuẩn úy làm đại đội phó. Riêng các sĩ quan xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, thường được gọi là sĩ quan Đà Lạt, lại còn “*quy hiếm hơn là sao trời của buổi sáng*”. Đi tới đâu ai cũng biết chúng tôi, nên lúc nào chúng tôi cũng phải giữ tư cách và phong thái, không dám làm bậy. Tự nhiên chúng tôi trở thành những con người đàng hoàng lúc nào cũng không hay.

Tôi làm đại đội phó kiêm luôn trung đội trưởng trực nên lúc nào cũng đi đầu. Số là ông thiếu úy đại đội trưởng của tôi, lúc

còn dưới quyền của NT Ân K23, đã bị chê trách về cung cách làm việc nên giờ đây hẳn ghét lây sang tôi. Sau mùa Hè đỏ lửa tại mặt trận An Lộc, NT Ân bị thương nặng chuyển về Tiểu Khu Bến Tre và sau đó hình như giải ngũ. Nhưng trong cái rủi thì cũng có cái may. Nhờ bị đi nên tôi mau giỏi, biết thân nên lúc nào cũng phải tự học hỏi và phẩu đấu. Sau gần 6 tháng kể từ ngày ra trường, tôi được bổ nhiệm làm Đại Đội Trưởng ĐĐ4, Tiểu Đoàn 3, Trung Đoàn 32, Sư Đoàn 21 Bộ Binh.

Nhờ hồng phước của Trường Võ Bị, uy danh của quý NT khóa đàn anh đi trước, cộng thêm sự học hỏi và không ngừng cải tiến bản thân nên không bao lâu tôi đã trở thành một đại đội trưởng thuộc hạng cứng, giỏi trong tiểu đoàn. Sĩ quan Đà Lạt rất có uy với lính nên việc chỉ huy đơn vị cũng tương đối dễ dàng.

Khoảng tháng 11-1973, tiểu đoàn được lệnh về dưỡng quân ở căn cứ Hoà Bình trong rừng tràm U Minh. Thường thì mỗi tiểu đoàn được vài tháng nghỉ ngơi, nhưng mới có hơn một tuần thì đại đội tôi bất ngờ được trực thăng bốc đi hành quân solo giải toả một đồn lính Nghĩa Quân tại xã Tân Lộc, thuộc địa phận Cà Mau. Xin được nói thêm về cái vùng đất Tân Lộc này. Cách thị xã Cà Mau không xa là vùng xôi đậu, ban ngày Quốc Gia, ban đêm Cộng Sản. Nghe nói trước đây là địa bàn hoạt động của Nguyễn Tấn Dũng trước mới đi theo bộ đội du kích làm y tá hoạt động ở khu vực này. Sau đó, y chuyển sang làm công an. Sau 1975, y leo lên chức bí thư tỉnh Minh Hải (Cà Mau). Rồi không biết y học ở đâu và trường nào về hành chánh tài chánh, hay quản trị kinh doanh mà được mời về Sài Gòn làm thống đốc ngân hàng và cuối cùng là thủ tướng chính phủ. Bây giờ thất sủng, y bị đảng Cộng Sản cho về vườn, nhưng vẫn còn giữ cái chức chủ kho bạc, ngồi đếm tiền đếm hoài không hết...

Đại đội tôi được trực thăng vận từ căn cứ Hoà Bình, bên dòng sông Trẹm thuộc xã Tân Bằng quận Hiếu Lễ, đổ quân

xuồng cánh đồng lúa ở giữa quận Thái Bình và Xã Tân Lộc (Cà Mau). Quý Niên Trưởng cùng quý Bạn nào đã từng hành quân vùng Thới Bình, Huyện Sĩ chắc không thể nào quên được bóng dáng yêu kiều của những nàng thôn nữ tóc dài, eo nhỏ, lưng thon: “Yếu điệu thực nữ, quân tử khó cầu.”



Một đơn vị của Sư Đoàn 21 Bộ Binh

Phải nói dáng dấp con gái ở đây chèo ghe hay xuồng ba lá lướt trên sông trông rất xinh đẹp và khả ái. Lính tráng nào về đây hành quân, hay công tác nếu phải lòng cô nào cười hỏi đàng hoàng thì mọi chuyện tốt đẹp, còn chơi ăn chơi theo thói sở khanh thì coi chừng mắc vào lời nguyên coi như là truyền kiếp:

*“Gái Thới Bình lòng ngay, dạ thẳng.
Trai không chung tình, một cẳng về quê.”*

Trong bản đồ hành quân của quận Thới Bình, có nhiều kinh rạch mang tên: Rạch Bà Dung, Rạch Bà Hai, Rạch Bà Đăng... Tương truyền khi ông vua Gia Long trên đường bôn tẩu chạy ra đảo Phú Quốc không kịp mang theo hết mấy bà phi tần nên để lại rồi sanh con đẻ cháu mang giòng máu công tôn nữ nên con gái Thới Bình nổi tiếng có làn da và dáng dấp xinh đẹp.

Nhiệm vụ đơn vị tôi được trực thăng vận để giải tỏa cho một đồn Nghĩa Quân đang bị Cộng Sản bao vây. Thời gian đó ruộng lúa đã chín vàng và nông dân cũng bắt đầu mùa gặt. Đoàn quân trên đường di chuyển tự dưng thấy có nửa công ruộng đang gặt bị bỏ dở mà không thấy bóng dáng người thợ nghỉ trưa, hay bóng dáng một con chim nào. Thường thì trong mùa lúa chín chim bay đi ăn từng đàn, quang cảnh lúc nào cũng tấp nập. Cảnh vật vắng lặng, một cái gì bất ổn không bình thường! Tôi vội vã cho dừng quân bố trí, ra lệnh cho các trung đội sẵn sàng tác chiến, và cho một toán nhỏ tiến sát vào bờ đê để lục soát. Thiệt là may, toán tiền sát phát giác ra hai cọng dây điện màu nâu nhạt dẫn đến hai trái mìn Claymore được gài sẵn dưới lùm cây.

Vừa tháo kịp hai cái ngòi nổ thì: “Àm, âm... bằng, bằng...”. Tiếng nổ của súng cối, thủ pháo, tiếng nổ của AK47 chát chúa dồn dập, cùng tiếng la hét bằng giọng Bắc Kỳ đặc sệt, “xung phong, hàng sống, chống chết...” vang vọng từ dưới mặt ruộng trong cánh đồng lúa. Những tên đặc công đội rom đồng loạt đứng lên. Thì ra đơn vị của tôi đã bị động thổ phục kích. May mà có chuẩn bị và đề cao cảnh giác trước nên tuy có bị thiệt hại nhưng không đến nỗi tan hàng. Còn mấy tên Việt Cộng cũng phải trả một giá khá đắt, vì nhiều tên đặc công “sanh Bắc tử Nam” bỏ xác tại chỗ. Riêng tôi, tuy thoát chết nhưng viên đạn AK47 đã xuyên qua hai ngón tay trở và giữa, đồng thời xuyên bẻ cái combiné của máy truyền tin PRC25 mà tôi đang cầm áp sát vào tai. Nghĩa là thêm vài phân nữa là vô đầu. Không biết giờ này hồn xiêu phách tán trôi giạt phương nào. May thật! Cũng nhờ lúc còn thơ ấu sống ở quê quen thuộc với quang cảnh lúa chín trong mùa gặt mà đơn vị tôi thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc.

Buổi chiều, trực thăng tản thương về thị xã Cà Mau, bệnh viện vắng người đèn vàng loe lét. Bàn tay phải vết thương đã tím bầm cơn đau nhức bắt đầu hành hạ. Chỉ có hai cô y tá trực. Một cô trạc tuổi tôi với gương mặt khả ái có chút hơi nghiêm.

Cũng là một đóa hoa biết nói, quân tử khó cầu. Cô nhỏ kia thì có vẻ lí lắc và vui tính. Còn tôi thì cái mặt bí xị với bộ đồ trận nhàu nát, bộ tịch như con gà bị mắc mưa. Chỉ có người lính theo tôi thì hí hửng vì được về chợ, thay vì còn trong vùng hành quân.

Cô y tá trẻ mau mắn lên tiếng hỏi:

- “Mấy anh ở tiểu đoàn nào vậy? Anh Hai em ở Tiểu Đoàn 2 Sáu Thần đó. Thiếu Úy có biết anh không vậy?”

Tôi chỉ nhìn cô bé mà trầm nghĩ:

- “Không nói tên nói họ thì làm sao mà biết được hả cô nương?”

Cô y tá lớn không nói gì chỉ cầm cùi lau chùi làm sạch vết thương ở bàn tay phải dính đầy máu. Thấy tôi không lộ vẻ gì đau đớn, cô ta chùi mạnh tay hơn vào vết thương. Đau muốn điếng hồn nhưng tôi ráng làm tỉnh chẳng lẽ nhân mặt nhú mày với người đẹp thì kỳ quá coi sao được.

Bầu không khí trở nên im lặng!

Người lính bỗng lên tiếng:

- “Ông thầy tôi, thiếu úy Đà Lạt mới ra trường đó!”

Không biết nghĩ sao, cô y tá chỉ buông thõng hai tiếng gọn lỏn:

- “Hèn chi!”

Vừa lau sạch hai ngón tay xong, cô y tá thân nhiên nhét mạnh miếng compress màu trắng dài thòn vào lỗ của vết thương bên này xuyên qua bên kia rồi kéo qua kéo lại làm sạch vết máu còn sót lại mặc kệ cho tôi trần mình đau điếng chịu trận mồ hôi trên trán đọng từng giọt.

Cô y tá trẻ thì há hốc miệng, con mắt thì trợn tròn kinh ngạc đứng nhìn. Còn tôi thì chết điếng, cái cô này, mặt mày thì xinh đẹp dễ thương mà ra tay thì quá lạnh lùng không một chút nương tay, không có thuốc tê mà kéo tới kéo lui một hồi

chắc là “đái trong quần quá”. Bộ cô tưởng Thiếu Úy Đà Lạt không biết đau sao?

May quá quần chưa kịp ướt thì cô y tá đã dùng tay. Một dòng máu đỏ tươi từ hai ngón tay chảy ra ngoài. Tiếng của ai đứng từ ngoài cửa vọng vào:

- “Mấy ông Sĩ Quan Đà Lạt gan thiệt! Giải phẫu mà không cần xài thuốc tê!”

Nghe nhắc đến hai chữ Đà Lạt như một phép lạ làm tôi tỉnh hẳn lại. Cái mặt làm ra vẻ tỉnh bơ không chút đau đớn nào. Tôi tự nhủ: *“Ráng thêm chút nữa mọi việc sẽ qua. Đừng có tè bậy làm mất mặt KBC.”*

Buổi sáng hôm sau vừa tỉnh dậy sau một đêm mê man vì vết thương hành hạ, người lính mang vào cho tôi một ly cà phê sữa đặc, theo sau là cô y tá trẻ vẫn luyến thoảng:

- “Ông thiếu úy Đà Lạt ơi! Ông hết đau chưa? Chị H. khen ông dữ lắm. Chỉ nói mấy ông Đà Lạt thiệt là gan... Muốn làm quen với chị không? Em làm mai cho.”

Cô ta nói một hơi không đợi tôi trả lời. Làm quen với người đẹp ai mà không muốn, bộ ngu sao mà trả lời không. Muốn thì muốn nhưng trong lòng tôi sao thấy sờ sợ!...

Rất tiếc sau khi rời bệnh viện trở lại vùng hành quân, tôi đã không có dịp trở lại bệnh viện Cà Mau lần thứ hai.

SỰ NỬA VỜI CỦA MỘT THỂ HỌA

Đỗ Trọng Đạt, K29

Tôi đã viết bài này khi nhớ về tâm trạng và hoàn cảnh lúc đang trong tù, vẽ bức tranh khi bị một con đẩu không tìm ra nguyên nhân. Chút tiêu khiển bằng văn chương, mong sẽ làm nhẹ bớt mối ưu phiền..

Đầu năm 1987, tôi nhận nhiệm vụ phải vẽ tất cả những bức tường giữa hai phòng của một khách sạn 5 tầng mới xây của khu du lịch K4 Long Khánh... Khu du lịch K4 này do chính những người tù đủ các thành phần đã xây dựng lên cho bọn quản giáo cai tù. Quân đội cũng có, sĩ quan cũng một đội, công chức hành chánh, tù chính trị, vượt biên, hình sự đủ cả. Một địa ngục trần gian ẩn dấu đằng sau những hào nhoáng và lộng lẫy của những công trình, để nó trở thành nơi du lịch...

Tôi đã để lại tim óc, mồ hôi, máu, bệnh tật, thêm vào những nhọc nhằn và đọa đày của bản thân, của kiếp tù tại chính chốn này

Tôi đã chơi với sơn dầu, đùa nghịch với màu sắc và cọ vẽ trong suốt nhiều tháng, vẽ thật nhiều cảnh, lăm lăm những

người đẹp từ trí tưởng tượng của mình. Tôi đã quên những thực trạng cay đắng tù đầy thiếu thốn mất tự do lúc đó, chìm sâu vào những màu sắc của các loại sơn dầu, vào đường nét của các loại hình ảnh, làm đẹp cho đời và bản thân thì lúc nào cũng lem luốc bản thủ với sơn cọ...

Mỗi người thiếu nữ trong tranh do tôi sáng tác ra chẳng nàng nào giống nàng nào. Nhưng chắc chắn là phải rất đẹp. Đẹp tuyệt trần...

Sao các người đẹp trong tranh đó lại không ghen với nhau, khi họ chỉ có một mình tôi nhỉ!?

Và với EM... người mà đã bắt tôi phải để lại đoạn văn dưới đây, xin lập lại, một tuyệt sắc giai nhân từ những cây bút vẽ của tôi, trong khi đời thật sự lúc đó thì tôi đang trong tù, năm thứ 12, và không có EM thật nào ngoài đời hết cả... lại đang làm khó tôi vô cùng.

Tôi muốn vẽ Em, người thiếu nữ tuyệt trần đang đứng trên Balcony, đầu hơi cúi xuống, tóc xõa gọn hai bên, miệng nhẹ nhàng cười, đang vươn mình ra ngoài với những ngón tay búp măng non, để hái một bông hoa cắm chướng đồ thắm rực rỡ...

Em khó lắm, làm eo sách đủ điều với tôi, bắt phải vẽ sao cho gương mặt thật tuyệt trần với nụ cười nhẹ nhàng nét trẻ con nhưng lại đầy mời gọi. Lúc đó, tôi đang bị những cơn đau kỳ lạ, thỉnh thoảng lại bóp chặt những cơ bắp trước lồng ngực, đau nghẹn thở, hoa cả mắt... Nhưng trong đầu tôi, lúc ấy, cứ bắt tôi phải nghĩ và phải nhớ đến Em. Và phải vẽ được Em.

Nếu không, Em sẽ giận và bỏ tôi... Thành thử, khi chưa vẽ được ra Em, chưa vẽ xong Em, và phải ngưng tay vì cơn đau ngực thốc lên hành hạ, tôi đã gọi là EM NỮA VỚI như trong đoạn văn bên dưới...

Và chắc là tôi được Em yêu nên Em đã phù hộ tôi. Tháng 7 năm 1987, tôi được thả ra từ trại tù K4 Long Khánh, gỡ gài gọn 12 cuốn lịch tù.

Hy vọng sẽ được cùng chia sẻ... và cùng thông cảm...

Những nét lãng mạn ngục tù..

HỌA SĨ VÀ SỰ NỬA VỜI

...Hãy cho Tôi những cảm nhận về Em....

- Chung quanh - Trong ngoài - Trên dưới - Ngang dọc - Em quay cuồng, chập chờn như sao Venus đêm mờ sương và thoảng chốc lại rục rờ mãnh liệt như chòm Scorpius tháng Tư cháy nắng.

...Em đây - trong Tôi - Em không gian mịt mù - Em thời gian miên viễn - Em với những cảm nhận từ ngũ quan... Xin cho Tôi được hùng hực say bên những giọt mồ hôi thần thánh, trên từng vương phân da thịt của Em thiêng liêng - Nơi của những đau khổ và hoan lạc - Nơi của cội nguồn sự sống và di truyền huyền bí - Cửa hiện tại và vô cùng....

- Tôi yêu điên cuồng thời gian của Rimbeaud vì ở đó, Em là hiện hữu và trên tất cả. Tôi không là nhà thơ, càng tệ hại hơn nữa với mớ văn chương rối bời như tóc em trong gió... Nhưng với Rimbeaud hay Beaudelair, Tôi và tên sát nhân dường như đã giống nhau trong khoảnh khắc thời gian gần về sáng... Tên sát nhân muốn giết người khác, còn Tôi đang tự giết mình trong cuộn cuộn những nỗi dằn vặt ngốc nghếch, quằn quại trong cơn đau thể xác, trộn lẫn thật tuyệt diệu với nỗi thèm khát được bộc lộ bằng tư tưởng....


- Và trong cả những cụ thể - Ở Tôi - Và ở cả nơi Em...

Những khát khao cháy bỏng hòa hợp - Hãy cho Tôi tan trong hư vô và nhập vào bóng em lung linh....

Trong sắc loãng của không khí - Em mọi nơi - mọi chỗ - Ăn ngủ nghỉ thờ - Hiện thực và trừu tượng - Là Dạ Xoa nhiều nanh hay trinh nữ Frinat kiêu diễm của Da Vinci !!!???

...Tôi yêu vô cùng sự lẫn lộn nhiều mắt mát và lấm thừa
thây này...

*Gót phiêu bồng lãng đãng đi tìm Em nơi mù khơi. Tôi với
nửa đời âm u và ngay lúc thật hiện tại của nửa đời sau đây
khát vọng tìm kiếm.....*

...Lacrima Christie. Em trong suốt như thể đầy đẽ bù đắp
trong Tôi những nhớp nháp bản thiu từ thể xác đến cực đáy
của tâm hồn. Em - Tôi - Hoàn toàn là những
nghịch lý - Giữa thánh thiện và hiện tục
- Giữa dịu dàng và thô bạo - Nhưng
Tôi cần Em - Khát khao cần Em -
Bằng màu sắc và đường nét, bằng
nghĩ suy và từng hơi thở căng căng
động mạch - Em đang hiện ra - từ từ
hiện ra... len lén - khe khẽ - lấp dần
những mảng tường lạnh lẽo... Cái gì
cho Em từ mớ chai lọ linh kính này để
thành một thể họa hoàn chỉnh và tuyệt
diệu nhất - Tuyệt sắc của vô cùng!?...


...Có phải từ màu sắc - Đỏ - Xanh - Vàng - Màu nóng hay
lạnh!? Phần nào cho Em từ Tôi? Đúng phải là một sự lựa chọn
vĩnh cửu. Tôi muốn điểm màu thời gian lên mái tóc mượt dài
để Em thương yêu mãi mãi là của riêng Tôi, nhưng lại ngập
ngừng chua xót với ý nghĩ tàn nhẫn ấy - Ôi - Màu sắc của hủy
diệt, của những mắt mát muôn đời...

Em phải là của Tôi - Của riêng một Tôi - Mãi mãi - Tôi tin
thế - và mãnh liệt tin như thế... Em phải hiện ra dưới nét bút
cọ mềm từ bàn tay Tôi nhám nhúa lem luốc...

*- Em phải là một tổng hợp tuyệt vời của những cái đẹp.
Đúng.*

.....Em phải tuyệt vời trên cả mọi sự.....

Tôi vẫn đứng đấy với những cảm nhận nham nháp của gai
lưỡi khô khốc vì cơn khát nước. Nhưng cơn đau thốc từ lòng

ngực đã kéo thật thô bạo bản thân vượt ra khỏi sức mạnh của sự sáng tác, ném nặng nề vào thực tế, như muốn chiếm đoạt Em từ Tôi... Hình như trong mệnh mang cơn đau, Tôi mơ hồ nhận được sự dễ chịu. Rất dễ chịu...

Không phải chỉ từ tiếng nhạc êm ái trong vùng không gian chữ nhật hút dài này, mà hình như ở một cơn say. Phải. Một cơn say màu sắc. Ngây ngây - Choáng váng. Hãy quên đi cơn đau bệnh lý. Hãy giúp tôi. Em nửa vời ơi...Em vẫn còn đây kia mà. Hãy lấy đi khỏi hồn Tôi những gì Em không muốn... Từ khoảng không gian chật hẹp đồng bộ này, Em hiện ra để bắt Tôi phải tạo được nụ cười nơi bờ môi xinh. Lấy đi em, từ mười ngón tay gầy guộc khăng khiu này như một phương tiện để hiện ra Em đẹp nhất, kết chất hồn bằng màu sắc của tư duy...

.... Đừng bắt Tôi phải dùng màu đen âm u. Đừng để bên Tôi còn có loài người. Đừng của muôn thuở những chữ Đừng. Em nhé...

HOMO LUPUS HOMINIT... Chỉ cần Em bên Tôi - duy nhất Em, một thực thể kỳ diệu, tách rời hẳn quy luật sống chết nghiệt ngã...

Chỉ một Tôi có Em. Và riêng Tôi bên Em...





**LỜI NAY
CHO CON
VÀ
CÁC BẠN TRẺ
VIỆT NAM.**

Trần Thước

*Rời bực giảng ba lên đường nhập ngũ
Tiễn đưa ba dòng lệ Mẹ nhạt nhòa
Bởi vì Mẹ đang mang mạng sống nhỏ
Ngày chào đời con không gặp được ba.*

Chín tháng quân trường dầm mưa dãi nắng
Ngày ba về con đã sáu tháng tròn
Dòng sữa Mẹ ngọt ngào nuôi con lớn
Riêng ba còn bận bịu chuyện nước non.

*Rời bực giảng ba đi làm lính trận
Lợi suối băng rừng tiến chiếm mục tiêu
Từ Duyên Hải đến vùng Cao Nguyên trán
Máu và xương đồng đội đã đổ nhiều*

Con có biết nhiều đêm dài hồi tưởng
Thương Mẹ nhiều trong nỗi nhớ mong chồng
Ngồi ôm con với nỗi buồn lo sợ
Trận đánh này ba có trở về không?

*Trận ác chiến giữa Mùa Hè Đỏ Lửa
Mẹ bồng hai con vào ở Nha Trang
Vài ngày sau được tin ba mất tích
Mẹ đau buồn ngất xỉu dưới cầu thang*

Ba may mắn sống còn sau cuộc chiến
Qua hai lần thương tích ở chiến trường
Ba hãnh diện về một thời trai trẻ
Cống hiến đời mình gìn giữ Quê Hương.

*Con có biết nhiều đêm dài thao thức
Ba nghe buồn đan kín cả tâm tư
Những đồng đội cùng màu cờ sắc áo
Sáng hồn nhiên chiều vội vã già từ*

Nơi xứ người ba thề không phản bội
Sự hy sinh của đồng đội một thời
Bao năm qua dưới nắm mồ hoang lạnh
Biết ai còn hương khói nữa hay không?

*Ba hy vọng tuổi trẻ sẽ kế tục
Cuộc đấu tranh đời DÂN CHỦ, NHÂN QUYỀN
Cho VIỆT NAM cờ vàng bay phát phới
Đó chính là NGUYỄN ƯỚC của TỔ TIÊN*

TD 3/40/SĐ22 BB
Saint Louis, Mùa Đông 2020



Các Sư Đoàn Bộ Binh QLVNCH

Bùi Quyền, K16

1. Sư Đoàn 3 Bộ Binh:

Sư Đoàn 3 Bộ Binh được thành lập ngày 1/10/1971, theo các Sắc Lệnh 2324-QP/TCYY/ND ngày 31/10/1971, Sắc Lệnh 4511/T TM/P3/2/K ngày 4/10/1971.

Sư Đoàn 3 Bộ Binh là sư đoàn mới mẻ nhất của quân lực VNCH được thành lập để bảo vệ Khu Phi Quân Sự, phân chia VNCH và Cộng Sản Bắc Việt sau khi quân đội Mỹ rút

khỏi khu vực này. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn lúc đầu đặt tại một vị trí cũ của Sư Đoàn 1 Bộ Binh, tại căn cứ Ái Tử nằm phía bên kia bờ sông Thạch Hãn của tỉnh Quảng Trị. Sư Đoàn 3 thực sự rất ít cơ hội đạt đầy đủ tiêu chuẩn hành quân. Trong khi đó vào cuối các tháng 3, 4, và 5 năm 1972, lực lượng CS được thiết giáp và trọng pháo yểm trợ đã tung ra một trận tấn công toàn diện. Sư Đoàn 3 bị đẩy lui khỏi vị trí nằm dọc theo khu phi quân sự. Cuối cùng, sư đoàn được lệnh rời vùng hành quân ở Quảng Trị và rút về Đà Nẵng để tái tổ chức và chỉnh bị.



Kể từ giữa năm 1972, Sư Đoàn 3 hoạt động tại tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, với nhiệm vụ chủ yếu là bảo vệ thung lũng Quế Sơn, cùng thị xã Đà Nẵng.

Đề biểu thị nhiệm vụ mới, huy hiệu của sư đoàn đã thay đổi kể từ 1/10/1972. Khởi thủy có hình ảnh 3 ngôi sao và hai chữ Bến Hải, dòng sông chảy ngang khu phi quân sự, nay huy hiệu được thay thế bằng con số 3. Bộ Tư Lệnh của sư đoàn lúc này được đặt tại ngoại ô thành phố Đà Nẵng, trong một căn cứ trước đây của Hoa Kỳ mà họ gọi là Đồi Tự do.

Các trung đoàn của Sư Đoàn 3 BB bao gồm các đơn vị cũ xưa nhất, cũng như mới nhất của quân đội miền Nam. Trung Đoàn 2 thuộc Sư Đoàn 1 BB được chuyển sang Sư Đoàn 3 vào ngày 1/10/1972, vốn lúc đầu được tạo ra để thành lập Trung Đoàn 22 vào ngày 1/10/1954. Trung đoàn này mang danh xưng Trung Đoàn 2 vào tháng 11 năm 1955 và là một trong những trung đoàn xưa nhất của quân lực VNCH. Trung Đoàn 56 bắt đầu hoạt động ngày 1/12/1971, được tạo lập ra từ một tiểu đoàn rút ra từ Trung Đoàn 2, một tiểu đoàn lấy ra từ Trung Đoàn 51 (Biệt Lập) và một tiểu đoàn hoàn toàn tân lập. Một số quân nhân vào Sư Đoàn 3 lúc đó được lấy từ Địa Phương Quân và Nghĩa Quân tại Vùng 1 Chiến Thuật.

Các Tư Lệnh Sư Đoàn 3 BB:

- Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai, 1/10/1971 - 3/5/1972. Ông bị mất chức ngày 3/5/1972, vì sư đoàn bị tổn thất nghiêm trọng vào năm 1972.

- Đại Tá Phạm Văn Chung, Nguyên Tư Lệnh Phó, Xử Lý Thường Vụ chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn trong thời gian chờ bổ nhiệm tư lệnh chính thức, 3/5/1972 - 6/9/1972.

- Thiếu Tướng Nguyễn Duy Hinh, 9/6/1972 - 30/4/1975.

2. Sư Đoàn 23 Bộ Binh:

Sư Đoàn 23 Bộ Binh được thành lập ngày 1/4/1959, theo các Sắc Lệnh 5116/TTM/1/1/MK ngày 12/12/1959,

Sắc Lệnh 1029/TTM/1/1/MK ngày 28/2/1959. Sư Đoàn 23 Bộ Binh là hậu thân của Sư Đoàn 15 Khinh Chiến được biết đến như là Sư Đoàn 5 Khinh Chiến khi sư đoàn được thành lập vào ngày 1 tháng 8 năm 1955, với bản doanh tại Nha Trang. Cả 3 tân Trung Đoàn, 404 (thành lập tại Ninh Hòa), 405 (thành lập tại Tuy Hòa), và 406 (thành lập tại Ninh Hòa), đều được thành lập vào cùng một lúc chỉ trừ một ngoại lệ là quân nhân của các tiểu đoàn đều được tuyển mộ tại miền Nam Trung Việt. Ngày 1/11/1955, Sư Đoàn 5 Khinh Chiến được đổi thành Sư Đoàn 15 Khinh Chiến. Các Trung Đoàn 404, 405, và 406 trở thành các Trung Đoàn Bộ Binh 43, 44, và 45.

Từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1956, sư đoàn tham gia chiến dịch “Nguyễn Huệ” tại vùng châu thổ sông Cửu Long để trừ khử một số nhóm dân quân có vũ trang thuộc giáo phái Hòa Hảo và Cao Đài. Sư Đoàn 15 Khinh Chiến đã hoạt động tại khu vực Đồng Tháp Mười (ngày nay thuộc tỉnh Kiên Giang và Kiên Phong) và đã nhanh chóng bẻ gãy các hoạt động của các nhóm này, trước khi để mắt đến các toán linh tinh Việt Minh và các lực lượng gây rối khác ở vùng ven biên giới Cao Miên. Các đơn vị của sư đoàn cũng hành quân tại khu vực Tây Ninh và các vùng ngày nay thuộc các tỉnh Long An, Hậu Nghĩa, và An Giang. Sau khi hoàn tất các cuộc hành quân tại khu vực châu thổ sông Cửu Long, sư đoàn quay lại Trung Việt.



Ngày 14/8/1956, bản doanh sư đoàn dời từ Nha Trang ra Dục Mỹ, nay là một trung tâm huấn luyện chủ yếu của QL/VNCH tại tỉnh Khánh Hòa nằm sát QL 21 nối liền Ninh Hòa với Ban Mê Thuột. Trong thời gian nửa năm đầu của năm 1959, quân lực VNCH được tổ chức lại.

Ngày 1/4/1956, Sư Đoàn 15 Khinh Chiến biến thành Sư

Đoàn 23 BB. Trong kế hoạch cải tiến, các đơn vị thống thuộc được củng cố đồng thời gia tăng thêm các đơn vị yểm trợ. Cuối năm 1960, sư đoàn bắt đầu di chuyển từ Dục Mỹ lên thị xã Ban Mê Thuột của tỉnh Đắk Lắk. Bản doanh thường trực của sư đoàn chính thức dời lên Ban Mê Thuột vào tháng 6 năm 1961 và nằm luôn tại đây.

Sư đoàn bắt đầu trực thuộc Quân Khu 2 khi quân khu này được thành lập vào ngày 1/10/1957. Tuy vậy trong kỳ tái tổ chức vào tháng 12 năm 1962, sư đoàn trực thuộc Vùng 3 khi tỉnh Bình Tuy được đưa thêm vào vùng trách nhiệm của sư đoàn (Bình Thuận, Ninh Thuận, Tuyên Đức, Darlac, Quảng Đức, Lâm Đồng, và Khánh Hòa). Ngày 1/11/1963, lại thêm một đợt tái tổ chức khác và Sư Đoàn 23 BB lại trực thuộc Vùng 2. Nhiều đợt thay đổi cấp trung đoàn bộ binh đã diễn ra trong suốt giữa thập kỷ 60. Vào ngày 1/11/1963, Trung Đoàn 43 bị tách rời khỏi sư đoàn và được hoạt động biệt lập và được ấn định trực thuộc vào Vùng 3. (Trung đoàn được gia nhập vào tân Sư Đoàn 18 (lúc đó là Sư Đoàn 10), năm 1965). Cùng lúc ấy, Trung Đoàn 47 Biệt Lập được đưa trở lại cho Sư Đoàn 23 BB. Ngày 16/10/1963, Trung Đoàn 47 lại được hoạt động biệt lập (trung đoàn gia nhập vào Sư Đoàn 22 BB không lâu sau đó) và được thay thế bằng Trung Đoàn 42 từ Sư Đoàn 22 BB. Tuy nhiên vào ngày 1/7/1966, Trung Đoàn 42 được hoạt động biệt lập và rời sư đoàn (trung đoàn đã gia nhập lại vào Sư Đoàn 22 BB trong năm 1970).

Trung đoàn mới nhất của sư đoàn được khởi hoạt ngày 1/8/1968 tại tỉnh Ninh Thuận. Từ 1958 đến 1969, các thành phần của sư đoàn mở các cuộc hành quân tại các tỉnh vùng duyên hải từ Bình Tuy đến Quảng Ngãi cũng như tại vùng cao nguyên. Một vài đơn vị của sư đoàn đã giao tranh tại những địa điểm rất xa khi so sánh với khu vực hành quân thông thường. Từ tháng 9/1958 đến tháng 1/1959, một bộ phận của sư đoàn nằm tại phần phía Bắc của Vùng 3 hiện nay. Từ tháng 7 đến tháng 9 năm 1959, một trung đoàn (44) nằm tại Tây

Ninh, trong khi từ tháng 7 đến tháng 10/ 1959 một trung đoàn khác (45) nằm tại rừng U Minh ở phía Nam châu thổ sông Cửu Long.

Trong tháng 5 năm 1970, một thành phần của sư đoàn đã vượt biên giới sang Cao Miên trong cuộc hành quân lớn của Hoa Kỳ và lực lượng VNCH để phá tan khu vực mật khu Việt Cộng trước đây là khu vực QLVNCH không được hành quân tảo thanh. Hai năm sau, trong tháng 5 năm 1972, Sư Đoàn 23 BB vội vã kéo lên khu vực KonTum, PleiKu kế theo đợt lui binh tại phía Bắc KonTum của Sư Đoàn 22 BB. Sư Đoàn 23 BB đã bảo vệ được thị trấn KonTum và ở lại khu vực KonTum, PleiKu cho đến cuối năm 1973. Sau đó, sư đoàn di chuyển về bản doanh tại Ban Mê Thuột, cho đến khi thành phố này bị thất thủ vào ngày 13/03/1975.

Danh tính các vị Tư Lệnh Sư Đoàn:

- Trung Tá Trần Thanh Phong, 19/5/1959 đến 17/5/1961.
- Đại Tá Lê Quang Trọng, 17/5/1961 14/12/1963.
- Chuẩn Tướng Hoàng Xuân Lãm, 14/12/1963 14/10/1964.
- Chuẩn Tướng Lữ Lan, 14/10/1964 20/8/1965.
- Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Mạnh, 20/8/1965 24/11/1966.
- Chuẩn Tướng Trương Quang Ân**, 24/11/1966 9/9/1968.
- Chuẩn Tướng Võ Văn Cảnh, 9/9/1968 25/1/1972.
- Chuẩn Tướng Lý Tông Bá, 25/1/1972 20/10/1972.
- Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm, 20/10/1972 14/11/1973.
- Chuẩn Tướng Lê Trung Tường, 24/11/1973 – 14/3/1975.
- Đại Tá Lê Hữu Đức, 14/3/1975 - 30/4/1975.

Ghi chú:

Trung Tá Bùi Dzinh làm Tư Lệnh Sư Đoàn 15 Khinh Chiến, tiền thân của Sư Đoàn 23 BB vào ngày 1/9/1958. Không rõ là liệu Trung Tá Dzinh có phải là vị tư lệnh đầu tiên của Sư Đoàn 23 BB khi đơn vị này được thành lập vào ngày 1/4/1959 hay không? Các vị chỉ huy trưởng khác của Sư Đoàn 15 Khinh Chiến là Trung Tá Nguyễn Thế Như (1/8/1955), Nguyễn Văn

Vĩnh (16/9/1956).

** Chuẩn Tướng Trương Quang Ân bị tử nạn vì trực thăng rơi.

3. Sư Đoàn 25 Bộ Binh:

Sư Đoàn 25 Bộ Binh được thành lập ngày 1/7/1962, theo Nghị Định 601- QP/ NĐ 9/ 4/ 1962, và Sắc Lệnh 624/ TTM/ 1/ 1/ K16/ 4/1962.

Sư Đoàn là một trong hai sư đoàn VNCH là được thành lập năm 1962 trong chương trình gia tăng quân số quân đội chính qui thêm 30,000 người. Sư đoàn được thành lập hoàn toàn mới mẻ và đã hoàn tất các giai đoạn tổ chức và huấn



luyện vào ngày 1/4/1963. Sư Đoàn 25 BB đã hoạt động tại các khu vực phía Tây và Nam thành phố Sài Gòn trong nhiều năm. Tuy vậy, sư đoàn khởi thủy được thành lập tại tỉnh Quảng Ngãi ở Trung Việt, với bản doanh đầu tiên ở tại Thuận Hóa, ở phía Nam sông Trà Khúc, cách phía Tây thị trấn Quảng Ngãi 10 km. Ba tân trung đoàn được thành lập cùng lúc với sư đoàn. Trung Đoàn 49 lúc đầu nằm tại bản doanh Thuận Hóa, được thành lập tại Đức Phổ là địa điểm nằm ngay tại QL1 và ở phía Nam thị xã Quảng Ngãi. Trung Đoàn 51 được thành lập tại Ba Gia, nằm trên Tỉnh lộ 5 chừng 20km Tây Bắc thị xã Quảng Ngãi.

Không rõ thời gian sư đoàn bắt đầu tổ chức các cuộc hành quân. Sư Đoàn 25 BB hoạt động tại tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định sau khi được hoàn tất huấn luyện. Cho đến tháng 11 năm 1963, cả 2 tỉnh này đều thuộc Vùng 2 Chiến Thuật, Trong tháng 11 đó, tỉnh Quảng Ngãi được chuyển vào Vùng 1 Chiến Thuật. Do nhu cầu cần thêm các đơn vị quân đội tại khu vực Sài Gòn, Sư Đoàn 25 BB vào ngày 8/4/1964 được lệnh di

chuyển vào miền Nam.

Ngày 8/10/1964, sư đoàn chính thức di chuyển vào Nam, với tân bản doanh được đặt tại Cây Điệp, thuộc tỉnh Gia Định, nằm gần Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung trên QL 1 và ở phía Tây Sài Gòn, trực thuộc Vùng 3 kể từ thời điểm đó. Chỉ có 2 Trung Đoàn 49 và 50 đã vào đến miền Nam. Trung Đoàn 51, rời khỏi Sư Đoàn 25, nằm lại tại Trung Việt và hoạt động biệt lập (*Hiện nay trung đoàn này là một thành phần của Sư Đoàn 1 BB*). Để thay thế Trung Đoàn 51, Trung Đoàn 46 Biệt Lập được sát nhập vào Sư Đoàn 25 BB. Trung đoàn này khởi thủy là trung đoàn ĐPQ, 1 trong 8 trung đoàn tạo thành Quân Khu 1 xưa (*nay là Vùng 3 và 4 Chiến Thuật*) được thành lập vào ngày 1/8/1955.

Hậu cứ của Sư Đoàn 25 BB đã rời đi khoảng 2 lần từ khi được thiết lập tại miền Nam. Vào ngày 23/12/1964 hậu cứ rời đến quận Đức Huệ trong tỉnh Hậu Nghĩa. Hầu như 6 năm sau, vào ngày 13/12/1970, hậu cứ lại rời đến một doanh trại lớn rộng tại Củ Chi cũng thuộc Hậu Nghĩa, trước đây do Sư Đoàn 25 BB Hoa Kỳ trấn đóng. Sư đoàn cũng duy trì một bộ chỉ huy tiền phương tại một căn cứ xưa của Hoa Kỳ, Tây Ninh, ít cây số phía Tây của thị xã Tây Ninh.

Khu vực trách nhiệm của Sư Đoàn 25 BB gồm các tỉnh nằm ở 1/3 phía Tây của Vùng 3 từ khi sư đoàn vào tới miền Nam. Đôi khi, Sư Đoàn 25 BB cũng hành quân trong tỉnh Bình Dương. Thời gian giữa năm 1972, sư đoàn tham dự vào cuộc hành quân nhằm khai thông QL 13 dẫn đến thị trấn An Lộc thủ phủ của tỉnh Bình Long. Trong tháng 4 năm 1970, các thành phần của Sư Đoàn 25 BB vượt biên giới sang Cao Miên trong nỗ lực hành quân phối hợp của Liên Quân Việt Mỹ để loại trừ các khu vực mật khu của Cộng Sản. Các đơn vị của sư đoàn xâm nhập khu vực “Mỏ Vẹt” và tiến theo QL1 băng ngang tỉnh Svay Riêng đến tỉnh Kampong Trabek. Các đơn vị của sư đoàn khác hành quân trong khu vực các đồn điền cao su của Pháp tại Krek và Chup.

Các cuộc hành quân tại Cao Miên tiếp tục đến cuối năm 1971. Dù rằng đại đa số các sĩ quan và quân nhân hiện nay trong Sư Đoàn 25 BB gốc gác tại miền Nam, vẫn còn các quân nhân đã phục vụ sư đoàn từ khi sư đoàn được thành lập từ Trung Việt vào năm 1962.

Các Tư Lệnh Sư Đoàn 25 BB.

- Đại Tá Nguyễn Văn Chuân, 1/7/1962 - 28/12/1962.
- Đại Tá Lữ Lan, 28/12/1962 - 19/4/1964.
- Đại Tá Nguyễn Việt Đan, 19/4/1964 - 1/12/1964.
- Chuẩn Tướng Nguyễn Thanh Sảng, 1/12/1964 - 6/4/1965.
- Chuẩn Tướng Phan Trọng Chinh, 6/4/1965 - 10/1/1968.
- Thiếu Tướng Nguyễn Xuân Thịnh, 10/1/1968 - 25/1/1972.
- Chuẩn Tướng Lê Văn Tư, 25/1/1972 - 7/11/1973.
- Đại Tá Nguyễn Hữu Toán, 7/11/1973.

4. Sư Đoàn 21 Bộ Binh:

Ngày 1/6/1959, Sư Đoàn 21 BB là một trong 3 sư đoàn Bộ Binh được thành lập trong năm 1959, như một phần trong kế hoạch loại bỏ các dạng sư đoàn Khinh Chiến và sư đoàn Nặng và để thay thế bằng các sư đoàn bộ binh đúng tiêu chuẩn. Với quân số 12,000 binh sĩ, sư đoàn có trách nhiệm bảo vệ 2,100,000 người trong 6 tỉnh thuộc vùng châu thổ sông Cửu Long, chống lại lực lượng VC phỏng đoán có 35,000 tên.



Sư Đoàn 21 BB được tạo dựng từ các Sư Đoàn 11 và 13 Khinh Chiến. Nói thẳng ra, Sư Đoàn 21 là hậu thân của Sư Đoàn 11 Khinh Chiến vì chỉ danh các Trung Đoàn 31, 32 và 33 đã vẫn được duy trì từ sư đoàn này. Ngày 1/8/1955, 6 sư

đoàn khinh chiến chính thức xuất hiện với các trung đoàn vẫn bao gồm các tiểu đoàn đang tồn tại. Sư đoàn khinh chiến đầu tiên lúc đầu hậu cứ nằm tại Long Xuyên. Sau một thời gian ngắn, hậu cứ đã chuyển về Sa Đéc.

Vào ngày 1/11/1955, Sư Đoàn 1 Khinh Chiến trở thành Sư Đoàn 11 Khinh Chiến với các Trung Đoàn 11, 101, và 102 trở thành các Trung Đoàn 31, 32, và 33. Trung Đoàn 11 (*Trung Đoàn 31, sau ngày 1 tháng 11*) đã xác định trước thời điểm ra đời của sư đoàn và các trung đoàn kia. Trung đoàn này được thành lập vào ngày 1/11/1954 từ 3 tiểu đoàn của quân đội Quốc Gia VN, Tiểu Đoàn 1 VN, 3 VN và 11 VN. Tiểu Đoàn 1 và 3 VN được thành lập ngày 1/10/1949 theo thứ tự tại Bạc Liêu và Rạch Giá. Cùng với Tiểu Đoàn 2 VN được thành lập cùng ngày tại Thái Bình, ở Bắc Việt. Ba TĐ này có vẻ là lực lượng chính qui lâu đời nhất trong QLVNCH. Các Tiểu Đoàn 1 và 3 VN này bây giờ là các Tiểu Đoàn 1/31 và 2/31 của Trung Đoàn 31 (*Tiểu Đoàn 2 VN giờ đây là các Tiểu Đoàn 1/6 của Sư Đoàn 2 BB*). Trận giao tranh sớm nhất của Sư Đoàn 11 Khinh Chiến là với một số các thành phần chống đối của Hòa Hảo trong khu vực châu thổ sông Cửu Long, và các vùng khác nhau.

Vào đầu năm 1956, mối đe dọa của các thành phần vũ trang của Hòa Hảo đều đã được dẹp yên. Sư Đoàn 3 Khinh Chiến được thành lập từ Thủ Dầu Một (*nay được gọi là Phú Cường và là thủ phủ của tỉnh Bình Dương*). Một thời gian ngắn sau, Sư Đoàn 3 Khinh chiến di chuyển lên Tây Ninh và trú đóng tại bản doanh trước đây của lực lượng Cao Đài tại Bến Kéo trên QL 22 ít cây số phía Nam tỉnh Tây Ninh. Vào ngày 1/11/1955, Sư Đoàn 3 Khinh chiến trở thành Sư Đoàn 13 Khinh Chiến và các Trung Đoàn 15, 12, và 106 trở thành các Trung Đoàn 37, 38, và 39. Hai Trung Đoàn 37 và 38, gồm các tiểu đoàn được thành lập từ Vùng 3 ngày nay, được lập từ các tiểu đoàn xuất xứ từ Mỹ Tho và Sa Đéc trong vùng châu thổ sông Cửu Long. Trung Đoàn 39 đã tham gia các chiến dịch chống lại thành

phần chống đối Hòa Hảo trong thời gian 1955-1956. Kế hoạch thành lập Sư Đoàn 21 Bộ Binh khởi sự năm 1958.

Một loạt các chỉ thị phức tạp về tái tổ chức đã được đề ra. Sư Đoàn 13 Khinh Chiến bị giải thể cũng như các Trung Đoàn 37, 38, và 39. Dù rằng Sư Đoàn 11 Khinh Chiến cũng đã chấm dứt hiện diện, vị chỉ huy của sư đoàn đã trở thành vị tư lệnh đầu tiên của Sư Đoàn 21 BB và đại bản doanh trở thành hậu cứ chính yếu của tân sư đoàn với 3 Trung Đoàn 31, 32, và 33 đều giữ nguyên vẹn. Tuy vậy hậu cứ của Sư Đoàn 13 Khinh Chiến tại Tây Ninh trở thành bản doanh hậu phương của Sư Đoàn 21. Sự xếp đặt vị trí cho các đơn vị trực thuộc được tái duyệt sao cho Trung Đoàn 32 ở tại Tây Ninh cùng với hậu cứ này.

Cuối năm 1960, các đơn vị của Sư Đoàn 21 được dàn trải từ Tây Ninh (Trung Đoàn 32) tới Cà Mau (Trung Đoàn 31) với các đơn vị cũng hành quân tại khu vực Kiến Tường – Kiến Phong (Trung Đoàn 33) và tại tỉnh Long An. Việc dàn quân này đã chứng tỏ có lợi cho vị Tư Lệnh Sư Đoàn là Đại Tá Trần Thiện Khiêm khi ông này chuyển quân yểm trợ cho Tổng Thống Diệm để đề bệ dự tính đảo chính ngày 11/11/1960 của lực lượng Nhảy Dù của Đại Tá Nguyễn Chánh Thi. Nhưng họ đã không dè làm việc chỉ huy và kiểm soát sư đoàn thêm khó khăn. Điều này cuối cùng đã dẫn đến quyết định tập trung toàn bộ sư đoàn vào khu vực châu thổ sông Cửu Long.

Trong khi đó, vào ngày 16/3/1961, Trung Đoàn 48 được kích hoạt tại Ba Xuyên trong vùng châu thổ (*Đó chỉ là việc cải tiến trung đoàn ĐPQ*). Một nghị định của Bộ Quốc Phòng ngày 14/2/1963 tái chỉ định danh xưng Trung Đoàn 48 thành Trung Đoàn 32 của Sư Đoàn 21 BB, trong lúc Trung Đoàn 32 trước đây biến thành Trung Đoàn 48 Biệt Lập. Tân trung đoàn (Cựu Trung Đoàn 32) giờ đây là thành phần của Sư Đoàn 18 BB. Sư Đoàn 21 BB đã từng nhiều năm tập trung tại khu vực phía Nam của châu thổ sông Cửu Long. Vào cuối năm 1970, tiền cứ được đặt tại Cà Mau tỉnh cực Nam của VN liên quan tới chiến dịch U Minh của sư đoàn trong thời gian 1970-1971,

tuy vậy hậu trạm vẫn nằm tại Bạc Liêu.

Người ta tin rằng bản doanh tại Sa Đéc đã đóng cửa trước khi bản doanh của Sư Đoàn 9 BB tới Sa Đéc vào tháng 9/1963. Trong tháng 4 năm 1972, toàn bộ Sư Đoàn 21 được đưa tới tỉnh Bình Dương trong Vùng 3 để tham gia việc tái khai thông QL 13 dẫn đến An Lộc, song kế hoạch này không thành công. Ba tháng sau đó, Sư Đoàn 21 lui về lại vùng châu thổ. Trong năm 1973, sư đoàn thiết lập một bản doanh dã chiến tại Vị Thanh, thủ phủ của tỉnh Chương Thiện, và mở các cuộc hành quân tại đây từ thời gian đó.

Các Tư Lệnh Sư Đoàn:

- Trung Tá Nguyễn Bảo Trị *, 1/6/1959 - 8/9/1959.
- Trung Tá Trần Thanh Chiêu, 8/9/1959 - 2/2/1960.
- Đại Tá Trần Thiện Khiêm, 2/2/1960 1/12/1962.
- Đại Tá Bùi Hữu Nhơn, 1/12/1962 1/11/1963.
- Đại Tá Cao Hảo Hớn, 1/11/1963 - 1/6/1964.
- Chuẩn Tướng Đặng Văn Quang**, 1/6/1964 - 20/1/1965.
- Đại Tá Nguyễn Văn Phước***, 20/1/1965 - 24/3/1965.
- Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Minh, 24/3/1965 - 15/6/1968.
- Thiếu Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, 15/6/1968 - 3/5/1972.
- Chuẩn Tướng Hồ Trung Hậu, 3/5/1972 - 21/8/1972.
- Chuẩn Tướng Chương Dzênh Quay, 21/8/1972 - 9/6/1973.
- Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng****, 9/6/1973 – 1/11/1974.
- Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường, 1/11/1974 - 30/04/1975.

Ghi chú:

* Trung Tá Nguyễn Bảo Trị là Tư lệnh Sư Đoàn 11 Kinh Chiến, đơn vị tiền thân của Sư Đoàn 21, vào ngày 16/10/1957.

** Chuẩn Tướng Quang bắt ngờ được lệnh rời sư đoàn, ngày 20/1/1965.

*** Đại Tá Nguyễn Văn Phước là Quyền Tư Lệnh trong thời gian chuyển tiếp.

**** *Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng đã tự sát vào ngày 30 tháng Tư, 1975.*